

Số: 01/2018/QĐST-DS

Q, ngày 04 tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 27 tháng 12 năm 2018 về việc các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số 56/2017/TLST-DS ngày 10/12/2018.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TM TNHH Đ**

Địa chỉ: Số 199, Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Thanh S – Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Liên - Chuyên viên ngân hàng TMTNHH một thành viên Đ chi nhánh Bắc Giang theo văn bản ủy quyền số 233/2018/UQ-OCEANBANK.05.02 ngày 09/5/2018.

Bị đơn: **Ông Bùi Xuân H** sinh năm 1964 và **bà Lê Thị M** sinh năm 1969.

HKTT và nơi ở: Thôn Đông Hạ, xã Đ, huyện Q, Thành phố Hà Nội.

Ông H ủy quyền cho bà M tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền ngày 25/12/2018.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Bùi Văn H và bà Lê Thị M có trách nhiệm thanh toán trả ngân hàng TMTNHH một thành viên Đ số tiền nợ tính đến ngày 25/12/2018 là: 176.754.632 đồng (một trăm bảy mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi bốn nghìn sáu trăm ba mươi hai đồng). Trong đó: Nợ gốc : 108.264.307 đồng (một trăm linh tám triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn ba trăm linh bảy đồng); Nợ lãi: 68.490.325 đồng (sáu mươi tám triệu bốn trăm chín mươi nghìn ba trăm hai mươi lăm đồng). Cụ thể theo hai hợp đồng tín dụng:

+ Đối với Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ 0008/2013/HĐTDCC-OJB-BG ngày 15/01/2013: Nợ gốc : 0 đồng (không đồng); Lãi: 3.251.169 đồng (ba triệu hai trăm năm mươi một nghìn một trăm sáu mươi chín đồng).

+ Đối với Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ 0199/2013/HĐTDCC-OJB-BG ngày 25/12/2013: Nợ gốc : 108.264.307 đồng (một trăm linh tám triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn ba trăm linh bảy đồng); Lãi: 65.239.156 đồng (sáu mươi lăm triệu hai trăm ba mươi chín nghìn một trăm năm mươi sáu đồng).

2.2. Ông Bùi Văn H và bà Lê Thị M từ ngày 26/12/2018 phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ 0199/2013/HĐTDCC-OJB-BG ngày 25/12/2013 trên số dư phần nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. *(Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận điều chỉnh về lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh theo lãi suất của ngân hàng cho vay).*

2.3. Lộ trình thanh toán:

+ Ông H, bà M phải thanh toán thành 17 kỳ (từ tháng 01/2019 đến tháng 5/2020), mỗi kỳ 01 tháng, thanh toán mỗi kỳ chậm nhất vào ngày 27 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 01/2019, mỗi tháng thanh toán 10.000.000 đồng (mười triệu đồng)

+ Chậm nhất ngày 27/6/2020 ông H, bà M phải thanh toán số tiền nợ còn lại là 6.754.632 đồng (sáu triệu bảy trăm năm mươi bốn nghìn sáu trăm ba mươi hai đồng) và tiền nợ lãi phát sinh từ ngày 26/12/2018 theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ 0199/2013/HĐTDCC-OJB-BG ngày 25/12/2013.

2.4. Trường hợp ông H, bà M không trả nợ theo đúng lộ trình nêu trên thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án cho kê biên, phát mại toàn bộ tài sản (nếu có) thuộc sở hữu của ông H, bà M để trả nợ cho ngân hàng.

2.5. Về án phí: Ông H, bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 4.418.000 đồng (*bốn triệu bốn trăm mười tám nghìn đồng*).

Nguyên đơn không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Trả lại ngân hàng thương mại TNHH 1 thành viên Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.331.000 đồng (Bốn triệu ba trăm ba mươi một nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006737 ngày 18/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q
- Chi cục THADS huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hồng Phong